

Bản án số: 149/2022/HC-PT

Ngày: 07/6/2022

V/v “*Khiếu kiện quyết định hành chính  
trong lĩnh vực quản lý đất đai*”

**NHÂN DANH**

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Trương Công Thi

*Các thẩm phán:* Ông Trần Minh Tuấn

Ông Lê Tự

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Dương Thị Tuyết Trinh – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Phạm Tấn Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 6 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 53/2022/TLPT-HC ngày 01/4/2022 về việc “*Khiếu kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai*”. Do Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC- ST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 1696/2022/QĐPT-HC ngày 20/5/2022 giữa các đương sự:

**- Người khởi kiện:** Ông Nguyễn Duy S, sinh năm 1956; địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Vắng mặt.

Người đại diện theo ủy quyền: Anh Trịnh Văn H, sinh năm 1994; địa chỉ: huyện B, tỉnh Quảng Ngãi; Có đơn xin xét xử vắng mặt.

**- Người bị kiện:**

1. Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi;

2. Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi: Ông Lê Chí P, chức vụ Phó Giám đốc Sở Tư pháp tỉnh Quảng Ngãi, có đơn xin xét xử vắng mặt.

3. Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Ông Nguyễn Mạnh C, Chủ tịch UBND huyện S có đơn xin xét xử vắng mặt.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ủy ban nhân dân xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; Bà Võ Thị Bích T - Phó chủ tịch UBND xã T. Có đơn xin xét xử vắng mặt

2. Bà Tôn Thị H, sinh năm 1961; địa chỉ: Xóm 5, thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi; vắng mặt.

*Người kháng cáo:* Người khởi kiện ông Nguyễn Duy S.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN**

***Theo bản án sơ thẩm và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án được xác định như sau:***

Quá trình tố tụng người khởi kiện ông Nguyễn Duy S trình bày: Từ năm 1983, hộ gia đình ông S khai hoang và sử dụng thửa đất số 1205, diện tích 318m<sup>2</sup> và thửa đất số 1137, diện tích 206m<sup>2</sup> cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Năm 1987, hộ ông S sử dụng thửa đất số 1214, diện tích 1.073m<sup>2</sup> (đất gieo mạ), tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, gia đình ông S sử dụng ổn định, không ai tranh chấp và cũng chưa một lần nào bị Ủy ban nhân dân (UBND) xã T lập biên bản về việc chiếm đất sử dụng trái pháp luật.

Hiện nay, các thửa đất số 1205, diện tích 318m<sup>2</sup> và thửa đất số 1137, diện tích 206m<sup>2</sup>, thửa đất số 1214, diện tích 1073m<sup>2</sup>, tờ bản đồ số 38 tại thôn T, xã T, huyện S bị ảnh hưởng dự án VSIP.

Ngày 30/12/2019, UBND huyện S ban hành các Quyết định số 5040/QĐ-UBND, Quyết định số 5041/QĐ-UBND, Quyết định số 5042/QĐ-UBND thu hồi các thửa đất 1205, 1137, 1214 là đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng là không đúng thực tế, không đúng chủ sử dụng đất.

Ngày 31/12/2019, UBND huyện S ban hành Quyết định số 5212/QĐ-UBND về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Duy S bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - Phần đất nông nghiệp (đợt 23). Theo Bản kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 thì hộ ông S chỉ được bồi thường giá trị về đất là 30%.

Ngày 25/3/2020, ông S có đơn khiếu nại một phần Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi. Ngày 14/8/2020, Chủ tịch UBND huyện S ban hành Quyết định số 1345/QĐ-UBND về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Duy S có nội dung: Bác nội dung khiếu nại đề ngày 25/3/2020 của ông Nguyễn Duy S về khiếu nại 1 phần (phần bồi thường về đất) Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S về bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Duy S bị ảnh hưởng bởi dự án: Khu Công nghiệp VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - phần đất nông nghiệp (đợt 23) có nội dung: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%.

Sau đó, ông S có đơn khiếu nại Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi giải quyết. Ngày 21/01/2021, Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND về việc không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Duy S đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và hủy Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

Theo Bản kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019, Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 đã bác nội dung khiếu nại ngày 25/3/2020 của ông Nguyễn Duy S. Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 về việc không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Duy S đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và hủy Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi là xâm phạm đến quyền, lợi ích hợp pháp của gia đình ông S bởi:

Các thửa đất số 1205, diện tích 318m<sup>2</sup> và thửa đất số 1137, diện tích 206m<sup>2</sup>, thửa đất số 1214, diện tích 1.073m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, huyện S hiện nay nguyên là đất hoang hóa không ai sử dụng là đúng thực tế bởi: theo Quyết định số 1345/QĐ-UBND, ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện S cũng thể hiện theo hồ sơ, bản đồ giải thửa theo Chỉ thị 299/TTg của Thủ tướng Chính phủ, thửa đất số 1205, diện tích 318m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 38 xã T mà hiện nay ông S đang khiếu nại thuộc một phần thửa đất số 557, diện tích 1.880m<sup>2</sup>, loại đất Hg/đn (đất hoang đồi núi, chưa phân phối sử dụng), tờ bản đồ số 23 xã T do HTX Nông nghiệp T, xã T quản lý. Thửa đất số 1137, diện tích 206m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 38 xã T thuộc một phần thửa đất số 574, diện tích 880m<sup>2</sup>, loại đất Hg/đn (đất hoang đồi núi, chưa phân phối sử dụng), tờ bản đồ số 23 xã T do HTX Nông nghiệp T, xã T quản lý. Thửa đất số 1214, diện tích 1.073m<sup>2</sup> tờ bản đồ số 38 xã T thuộc một phần thửa đất số 579, diện tích 1.640m<sup>2</sup>, loại đất Hg/đn (đất hoang đồi núi, chưa phân phối sử dụng), tờ bản đồ số 23 xã T do đội 7, HTX Nông nghiệp T, xã T quản lý.

Các thửa đất số 1205, diện tích 318m<sup>2</sup> và thửa đất số 1137, diện tích 206m<sup>2</sup>, thửa đất số 1214, diện tích 1.073m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 38, tại thôn T, xã T, huyện S hiện nay là đất hoang đồi núi, chưa phân phối sử dụng nên vào năm 1983 và năm 1987 gia đình ông S đã bỏ công sức khai hoang, dỡ hóa để sử dụng ổn định từ năm 1988 cho đến nay không ai tranh chấp. Quá trình quản lý sử dụng cũng không bị cơ quan nhà nước lập biên bản về việc sử dụng đất trái phép, cũng như UBND xã T không có ý kiến gì về việc sử dụng đất của gia đình ông S. Mặt khác, UBND xã T cũng không quản lý, sử dụng liên quan đến 03 thửa đất này. Ba thửa đất này khi thực hiện Nghị định 64/CP thì UBND xã T vẫn không cân đối giao cho hộ gia đình cá nhân nào, nên gia đình ông S quản lý, sử dụng ổn định từ năm 1983 và năm 1987. Ngoài ra, Quyết định số 1345/QĐ-UBND, ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện S xác định 03 thửa đất số 1205/318m<sup>2</sup>, thửa đất số 1137/206m<sup>2</sup> và thửa đất số 1214/1.073m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ số 38, xã T của gia

đình ông S đã được UBND xã T ký hợp đồng cho ông thuê, tại Hợp đồng gần nhất số 33/2014/HĐKT ngày 08/4/2014.

Đối với việc ông S cho rằng UBND xã T ký Hợp đồng gần nhất số 33/2014/HĐKT ngày 08/4/2014 là có sự gian dối và không đúng mục đích thông báo của UBND xã và không đúng quy định của pháp luật. Bởi vì: Theo trình bày của ông S thì khi UBND xã T thông báo người dân sử dụng đất phải lên kê khai nộp tiền sử dụng nước các thửa đất đang sử dụng nên lúc này ông S có đến UBND xã T kê khai để nộp tiền sử dụng nước. Khi đến UBND xã thì được địa chính nói là ký vào giấy tờ để nộp tiền sử dụng nước chứ không nói ký hợp đồng thuê đất. Ông S cho rằng Hợp đồng thuê đất do trực tiếp UBND xã T lập, khi UBND xã T nói ông S ký Hợp đồng thì cũng không biết nội dung của hợp đồng và cũng không biết ký hợp đồng là hợp thuê đất, ông S chỉ biết khi thực hiện việc ký là để nộp tiền sử dụng nước thạch nham. Quyết định số 1345/QĐ - UBND ngày 14/08/2020 của Chủ tịch UBND huyện S xác định 03 thửa đất này khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ về cân đối giao ruộng, đất nông nghiệp cho hộ gia đình, cá nhân sử dụng ổn định lâu dài, thì 03 thửa đất: số 1205, diện tích 318m<sup>2</sup>; số 1137, diện tích 206m<sup>2</sup> và số 1214, diện tích 1.073m<sup>2</sup>, loại đất BHK, tờ bản đồ trích lục, chỉnh lý số 38, xã T (tức 11 thửa đất số: 881/650m<sup>2</sup>, 886/792m<sup>2</sup>, 774/124m<sup>2</sup>, 773/152m<sup>2</sup>, 772/90m<sup>2</sup>, 771/104m<sup>2</sup>, 770/10m<sup>2</sup>, 769/112m<sup>2</sup>, 768/120m<sup>2</sup>, 767/120m<sup>2</sup> và 766/112m<sup>2</sup>, cùng tờ bản đồ địa chính số 38, xã T), UBND xã T không cân đối giao cho hộ ông S, mà diện tích đất này là đất công ích do UBND xã T quản lý, được thể hiện tại trong số 129 và số 132, Sổ Mục kê đất và trang số 89, 91, quyển số 03, sổ Địa chính do UBND xã T lập ngày 14/01/2000.

Việc Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi căn cứ vào sổ mục kê đất do UBND xã T lập ngày 14/01/2000 là không có cơ sở bởi: Sổ mục kê do UBND xã T lập ngày 14/01/2000 là sổ do UBND xã lập, UBND xã T không trực tiếp khảo sát thực tế việc quản lý đất đai của người sử dụng thực tế trên các thửa đất, mà UBND xã T chỉ dựa theo bản đồ địa chính để đưa vào sổ mục kê là không có cơ sở.

Vì vậy, đề nghị Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi giải quyết:

- Hủy Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 1.073m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1214, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5041/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 206m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1137, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5042/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 318m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1205, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy 01 phần Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Duy S; bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp Vsip Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S - Phần đất nông nghiệp (đợt 23). Theo Bản kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5212/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 có nội dung: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%.

- Hủy Quyết định số 1345/QĐ-UBND, ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi ban hành bác nội dung khiếu nại đề ngày 25/3/2020 của ông Nguyễn Duy S.

- Hủy Quyết định số 106/QĐ-UBND, ngày 21/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi về việc không công nhận nội dung khiếu nại của ông Nguyễn Duy S đối với yêu cầu hủy 01 phần Quyết định số 5212/QĐ- UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S, tỉnh Quảng Ngãi và hủy Quyết định số 1345/QĐ-UBND, ngày 14/8/2020 của Chủ tịch UBND huyện S, tỉnh Quảng Ngãi.

*\*Tại các Văn bản số 2745/UBND-NC ngày 15/6/2021, số 6145/UBND-NC ngày 16/11/2021 và số 6891/UBND-NC ngày 17/12/2021, Người bị kiện Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi trình bày:*

Các thửa đất số: 1205/318m<sup>2</sup>, 1137/206m<sup>2</sup> và 1214/1.073m<sup>2</sup>, loại đất BHK, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019) mà hộ ông Nguyễn Duy S đang phát sinh khiếu kiện nguyên trước đây thuộc các thửa đất thể hiện trên bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg như sau:

+ Thửa đất số 1137/206m<sup>2</sup> thuộc thửa 574/880m<sup>2</sup> và thửa 1205/318m<sup>2</sup> thuộc thửa 577/1.880m<sup>2</sup>, cùng loại đất Hg/đn, tờ bản đồ số 23, xã T, là đất chưa phân phối sử dụng.

+ Thửa đất số 1214/1.073m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 579/1.640m<sup>2</sup>, loại đất Mạ, tờ bản đồ số 23, xã T do Hợp tác xã Nông nghiệp T đứng tên chủ sử dụng.

Khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, 03 thửa đất nêu trên biến động thành 11 thửa: 766/112m<sup>2</sup>, 767/120m<sup>2</sup>, 768/120m<sup>2</sup>, 769/112m<sup>2</sup>, 770/110m<sup>2</sup>, 771/104m<sup>2</sup>, 772/90m<sup>2</sup>, 773/152m<sup>2</sup>, 774/124m<sup>2</sup>, 881/650m<sup>2</sup>, 886/792m<sup>2</sup>, loại đất ĐRM, đều thuộc tờ bản đồ số 38, xã T và được đưa vào quỹ đất công ích của UBND xã T quản lý, thể hiện tại Sổ địa chính xã T lập ngày 14/01/2000. Hộ ông Nguyễn Duy S đã ký hợp đồng thuê đất công ích với UBND xã T vào ngày 08/04/2014 (đối với 11 thửa nêu trên).

Thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S, UBND huyện S đã tiến hành các thủ tục và ban hành các Quyết định thu hồi đất vào ngày 30/12/2019: số 5040/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1214/1.073m<sup>2</sup>, số 5041/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1137/206m<sup>2</sup>, số 5042/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1205/318m<sup>2</sup> mà hộ ông Nguyễn Duy S đang sử dụng.

Do xác định toàn bộ diện tích đất thu hồi của hộ ông Nguyễn Duy S là đất công ích do UBND xã T quản lý nên UBND huyện S ban hành Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Duy S, trong đó chỉ bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại đối với các thửa đất số 1205, 1137 và 1214.

Ông Nguyễn Duy S không đồng ý và có đơn đề ngày 25/3/2020 khiếu nại Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của UBND huyện S về việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại và yêu cầu bồi thường, hỗ trợ 100% giá trị về đất đối với các thửa đất số 1205, 1137 và 1214 nêu trên.

Khiếu nại của ông Nguyễn Duy S đã được Chủ tịch UBND huyện S thụ lý và giải quyết tại Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/8/2020, bác toàn bộ nội dung khiếu nại của ông S. Không đồng ý với quyết định giải quyết khiếu nại lần đầu của Chủ tịch UBND huyện S, ông Nguyễn Duy S có đơn đề ngày 22/9/2020 tiếp khiếu đến Chủ tịch UBND tỉnh.

Ngày 27/10/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 1632/QĐ-UBND thụ lý và giao Chánh Thanh tra tỉnh thẩm tra, xác minh khiếu nại lần hai của hộ ông Nguyễn Duy S. Trên cơ sở kết quả thẩm tra, xác minh của Chánh Thanh tra tỉnh tại Báo cáo số 140/BC-TTT ngày 24/11/2020, Chủ tịch UBND tỉnh đã ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông Nguyễn Duy S, qua đó không công nhận nội dung khiếu nại của ông.

*Ý kiến của Chủ tịch UBND tỉnh đối với nội dung vụ kiện:*

Các thửa đất: 1205/318m<sup>2</sup>, 1137/206m<sup>2</sup> và 1214/1.073m<sup>2</sup>, loại đất bằng trồng cây hằng năm khác (BHK), tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019) là đất công ích do UBND xã T quản lý, hộ ông Nguyễn Duy S đã ký hợp đồng thuê đất với UBND xã T đối với 03 thửa đất nêu trên.

Ông Nguyễn Duy S là người trực tiếp sử dụng 03 thửa đất số: 1205/318m<sup>2</sup>, 1137/206m<sup>2</sup> và 1214/1.073m<sup>2</sup> cho đến khi Nhà nước thu hồi để thực hiện dự án. Trong quá trình sử dụng các thửa đất này, ông Nguyễn Duy S không thực hiện đăng ký kê khai quyền sử dụng đất và chưa được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất và cũng không có một trong các loại giấy tờ về quyền sử dụng đất theo quy định tại các khoản 1, 2, 3 và 4 Điều 100 Luật Đất đai năm 2013 và Điều 18 Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai (đã được sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai tại Nghị định số 01/2017/NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ).

Tại thời điểm giao đất theo Nghị định số 64/CP của Chính phủ, hộ ông Nguyễn Duy S có 06 nhân khẩu, được giao đủ định suất theo phương án giao đất tại địa phương.

Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì ông Nguyễn Duy S không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Do đó, UBND huyện S bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh (đơn giá là 30.000 đồng/m<sup>2</sup>) đối với 03 thửa đất: 1205/318m<sup>2</sup>, 1137/206m<sup>2</sup> và 1214/1.073m<sup>2</sup> cho hộ ông Nguyễn Duy S là đúng quy định pháp luật. Việc ông S yêu cầu bồi thường 100% về đất cho hộ ông là không có cơ sở xem xét, giải quyết.

Do đó, Chủ tịch UBND tỉnh ban hành Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 về việc giải quyết khiếu nại lần hai của hộ ông Nguyễn Duy S, theo đó không công nhận nội dung khiếu nại là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Nguyễn Duy S hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

Mặt khác, đối với các quyết định thu hồi đất mà ông Nguyễn Duy S khởi kiện bổ sung là các Quyết định hành chính của Ủy ban nhân dân huyện S ban hành khi thực hiện dự án khu công nghiệp VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S – phần đất nông nghiệp (đợt 23) theo thẩm quyền quy định tại khoản 3 Điều 66 Luật đất đai năm 2013 và công văn số 3933/UBND-NNTN ngày 05/9/2014 của UBND tỉnh về ủy quyền thu hồi đất đối với trường hợp trong khu vực thu hồi có cả đối tượng quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 66 Luật đất đai năm 2013.

*\*Tại Văn bản số 1252/UBND-NC ngày 21/7/2021, người bị kiện Ủy ban nhân dân huyện S, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S trình bày:*

Các thửa đất số: 1205, diện tích 318m<sup>2</sup>; 1137, diện tích 206m<sup>2</sup> và 1214, diện tích 1.073m<sup>2</sup>, loại đất BHK, tờ bản đồ số 38 (Bản đồ địa chính khu đất được Sở Tài nguyên và Môi trường thẩm định ngày 19/11/2019) mà hộ ông Nguyễn Duy S đang phát sinh khiếu kiện nguyên trước đây thuộc các thửa đất thể hiện theo bản đồ lập theo Chỉ thị 299/TTg như sau:

+ Thửa đất số 1137/206m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 574/880m<sup>2</sup> và thửa đất số 1205/318m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 577/1.880m<sup>2</sup>, cùng loại đất Hg/Đn, tờ bản đồ số 23, xã T, là loại đất chưa phân phối sử dụng.

+ Thửa đất số 1214/1.073m<sup>2</sup> thuộc thửa đất số 579/1.640m<sup>2</sup>, loại đất Mạ, tờ bản đồ số 23, xã T do HTX nông nghiệp T đứng tên chủ sử dụng.

Khi thực hiện Nghị định 64/CP của Chính phủ, 03 thửa đất trên biến động thành 11 thửa: 766/112m<sup>2</sup>, 767/120m<sup>2</sup>, 768/120m<sup>2</sup>, 769/112m<sup>2</sup>, 770/110m<sup>2</sup>, 771/104m<sup>2</sup>, 772/112m<sup>2</sup>, 773/152m<sup>2</sup>, 774/124m<sup>2</sup>, 881/650m<sup>2</sup>, 886/792m<sup>2</sup>, loại đất ĐRM, đều thuộc tờ bản đồ số 38, xã T và được đưa vào quỹ đất công ích của UBND xã T quản lý, thể hiện tại Sổ địa chính xã T lập ngày 14/01/2000. Hộ ông Nguyễn Duy S đã ký hợp đồng thuê đất công ích với UBND xã T vào ngày 08/4/2014 (đối với 11 thửa đất nêu trên).

Thực hiện dự án Khu Công nghiệp - Đô thị - Dịch vụ VSIP Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, UBND huyện đã tiến hành các thủ tục và ban hành các Quyết định thu hồi đất vào ngày 30/12/2019: số 5040/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1214/1.073m<sup>2</sup>, số 5041/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1137/206m<sup>2</sup>, số 5042/QĐ-UBND thu hồi thửa đất số 1205/318m<sup>2</sup> mà hộ ông Nguyễn Duy S đang sử dụng.

Theo xác nhận của UBND xã T tại Công văn số 159/UBND ngày 05/9/2019 thì toàn bộ 03 thửa đất này thuộc đất công ích do UBND xã T quản lý. Căn cứ điểm d khoản 1 Điều 76 Luật Đất đai năm 2013 và khoản 1 Điều 6 Quyết định số 48/2017/QĐ-UBND ngày 18/8/2017 của UBND tỉnh Quảng Ngãi thì ông Nguyễn Duy S không được bồi thường về đất nhưng được bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá trị đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh.

Theo đó, UBND huyện đã ban hành Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Duy S, trong đó chỉ bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại bằng 30% giá đất nông nghiệp cùng loại trong bảng giá đất quy định hiện hành của UBND tỉnh (đơn giá 30.000 đồng/m<sup>2</sup>) đối với 03 thửa đất số: 1205/318m<sup>2</sup>; 1137/206m<sup>2</sup> và 1214/1.073m<sup>2</sup>, loại đất BHK, tờ bản đồ số 38, xã T là đúng quy định pháp luật. Việc ông S yêu cầu bồi thường 100% về đất cho hộ ông là không có cơ sở.

Do đó, Chủ tịch UBND huyện ban hành Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 về việc giải quyết khiếu nại của ông Nguyễn Duy S (lần đầu), là đúng quy định của pháp luật, yêu cầu của hộ ông Nguyễn Duy S hiện nay là không có căn cứ pháp lý để giải quyết.

*\*Tại Văn bản số 123/UBND ngày 29/6/2021, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân xã T trình bày:*

Việc UBND tỉnh Quảng Ngãi ban hành quyết định giải quyết khiếu nại lần hai số 106/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 là đúng theo quy định của pháp luật. Đối với việc UBND xã cho ông S thuê đất công ích tại Hợp đồng thuê đất số 33/2014/HĐKT ngày 08/4/2014, trong đó có ghi: Thời hạn hợp đồng là 04 năm, ngày bắt đầu 01/4/2014, ngày kết thúc 31/12/2017. Sau khi kết thúc hợp đồng do vùng đất này nằm trong dự án VSIP giai đoạn 1B xã T đang triển khai nên UBND xã không ký hợp đồng lại với ông S.

Đề nghị Tòa án tỉnh giải quyết vụ án trên theo quy định của pháp luật.

\*Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Tôn Thị H vắng mặt nhưng có ý kiến trình bày: Bà thống nhất như nội dung khởi kiện của chồng bà là ông Nguyễn Duy S.

Với nội dung trên,

***Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC- ST ngày 15 tháng 02 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi đã quyết định:***



*Áp dụng Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 66, 67, 69, 76 của Luật đất đai.*

*Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy S về:*

*- Hủy Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 1.073m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1214, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

*- Hủy Quyết định số 5041/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 206m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1137, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

*- Hủy Quyết định số 5042/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 318m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1205, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;*

*- Hủy 01 phần Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Duy S bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp Vsip Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi – phần đất nông nghiệp (đợt 23). Theo bản kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 có nội dung: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%.*

*- Hủy Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Duy S.*

*- Hủy Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Duy S.*

*Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và quyền kháng cáo của ông Nguyễn Duy S đương sự.*

Ngày 01 tháng 3 năm 2022, người khởi kiện ông Nguyễn Duy S có đơn kháng cáo đối với Bản án hành chính sơ thẩm, lý do kháng cáo ông S cho rằng việc sử dụng đất của gia đình ông S từ năm 1987 đến nay đã ổn định, quá trình thu hồi đất, giải quyết bồi thường và giải quyết khiếu nại của UBND huyện S và UBND tỉnh Quảng Ngãi cũng như tại Bản án sơ thẩm áp dụng không đúng pháp luật về thu hồi, bồi thường về đất đai, việc bồi thường 30% giá trị đất đai là thiệt hại cho gia đình ông S, nay ông yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S.

Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Nguyễn Duy S, người đại diện theo ủy quyền của ông S, ông Trịnh Văn H xin vắng mặt nhưng có văn bản trình bày giữ nguyên nội dung kháng cáo.

Đại diện Viện kiểm sát cấp cao Đà Nẵng đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính 2015, bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Duy S, giữ

nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án; thẩm tra công khai tại phiên tòa; nghe quan điểm giải quyết vụ án của đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao Đà Nẵng, xem xét kháng cáo của ông Nguyễn Duy S xét thấy:

[1]. Các thửa đất số 1205 diện tích 318 m<sup>2</sup>, thửa số 1137 diện tích 206 m<sup>2</sup> và thửa số 1214 diện tích 1.073 m<sup>2</sup> từ Bản đồ số 38, xã T, mặc dù do hộ ông Nguyễn Duy S canh tác sử dụng từ trước năm 1987 nhưng quá trình sử dụng ông S không đăng ký, kê khai quyền sử dụng theo quy định của pháp luật về đất đai qua các thời kỳ, đồng thời cũng không thực hiện nghĩa vụ của người sử dụng đất. Quá trình khởi kiện ông S không cung cấp được các loại giấy tờ gì về các thửa đất nêu trên. Xem xét hồ sơ quản lý đất đai đang lưu giữ tại UBND xã T thể hiện thửa đất số 1205, diện tích 318 m<sup>2</sup> là một phần diện tích của thửa đất số 577, có diện tích 1.880 m<sup>2</sup>, còn thửa đất số 1137, diện tích 206 m<sup>2</sup> là một phần của thửa đất số 574, có diện tích 880 m<sup>2</sup> là loại đất hoang đồi núi (Hg/Đn) thuộc từ bản đồ số 23, xã T là đất chưa sử dụng. Đối với thửa đất số 1214, diện tích 1.640 m<sup>2</sup>, từ bản đồ số 23, xã T là loại đất mạ, do đội 7 sản xuất, Hợp tác xã nông nghiệp T quản lý, cả 03 thửa đất nêu trên thể hiện tại sổ mục kê ruộng đất (Trang 66, quyển số 2).

Năm 1994, thực hiện Nghị định 64/CP các thửa đất nói trên không cần đổi giao cho ai, đối với hộ ông S cũng đã được cân đối và đã được giao 10 thửa đất nông nghiệp, diện tích 7.165 m<sup>2</sup>, chưa tính thửa đất thổ cư có diện tích 1.656 m<sup>2</sup>.

Sau khi thực hiện Nghị định 64/CP, 03 thửa đất nêu trên được chỉnh lý thành 11 thửa đất (từ 766 đến 774 và các thửa 881, 886) loại đất ĐRM được xác định là loại đất công ích do UBND xã T quản lý, ngày 08/4/2014 ông Nguyễn Duy S đã ký Hợp đồng thuê 11 thửa đất nói trên của UBND xã T, ông S cho rằng việc ký hợp đồng thuê đất là do có sự giả dối nhưng không có chứng cứ gì để chứng minh.

Đến năm 2019, thực hiện Dự án khu công nghiệp VSip Quảng Ngãi, trên cơ sở ủy quyền của UBND tỉnh Quảng Ngãi, UBND huyện S ban hành Quyết định thu hồi đất để thực hiện dự án nói trên và Quyết định số 5212/QĐ-UBND về việc bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30% (giá trị đất) cho ông Nguyễn Duy S.

Xét thấy, với diễn biến quản lý sử dụng đất như đã phân tích nêu trên, tuy việc sử dụng đất của ông Nguyễn Duy S từ năm 1987, nhưng do không có giấy tờ gì về đất, quá trình canh tác sử dụng đất không kê khai, đăng ký theo quy định của pháp luật về đất đai, các thửa đất do UBND xã T quản lý và đưa vào quỹ đất công ích của xã, ông S cũng đã ký kết Hợp đồng thuê đất công ích của UBND xã T. Do vậy, việc thu hồi bồi thường giá trị chi phí đầu tư vào đất 30% cho hộ ông S là có căn cứ, đúng pháp luật. Từ đó, cũng xác định các Quyết định thu hồi đất, bồi thường, hỗ trợ của UBND huyện S và các Quyết định giải quyết khiếu nại của Chủ tịch UBND huyện S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi là có căn cứ pháp luật, việc ban hành các quyết định hành chính của UBND huyện, Chủ tịch UBND

huyện Bình S và Chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ngãi đối với ông S là đúng trình tự, thủ tục, thẩm quyền và nội dung pháp luật quy định.

Từ nhận định nêu trên, tại Bản án sơ thẩm đã bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông S là có căn cứ, đúng pháp luật, tại giai đoạn phúc thẩm ông S cũng không đưa ra được tài liệu, chứng cứ gì mới, do vậy Hội đồng xét xử bác toàn bộ kháng cáo của ông S, giữ nguyên quyết định của Bản án sơ thẩm.

Về án phí sơ thẩm: Do không có kháng cáo, kháng nghị nên không xem xét. Về án phí phúc thẩm: Ông Nguyễn Duy S là người cao tuổi có đơn xin miễn án phí nên được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

*Vì các lẽ nêu trên;*

## **QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ khoản 1 Điều 241, Luật tổ tụng hành chính năm 2015;

Bác đơn kháng cáo của ông Nguyễn Duy S. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 01/2022/HC-ST ngày 15/02/2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Ngãi.

1/. Áp dụng Điều 18, 21, 27, 29, 30, 31, 36, 38, 39 và 40 Luật khiếu nại năm 2011; Điều 66, 67, 69, 76 của Luật đất đai.

Tuyên xử: Bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Duy S về:

- Hủy Quyết định số 5040/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 1.073m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1214, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5041/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 206m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1137, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy Quyết định số 5042/QĐ-UBND ngày 30/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về thu hồi 318m<sup>2</sup> đất công ích của UBND xã T quản lý, sử dụng, thửa đất số 1205, thuộc tờ bản đồ số 38, loại đất HNK, tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi;

- Hủy 01 phần Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 của Ủy ban nhân dân huyện S về việc bồi thường, hỗ trợ cho hộ ông Nguyễn Duy S bị ảnh hưởng dự án: Khu Công nghiệp Vsip Quảng Ngãi, giai đoạn 1B tại xã T, huyện S, tỉnh Quảng Ngãi – phần đất nông nghiệp (đợt 23). Theo bản kê đơn giá bồi thường kèm theo Quyết định số 5212/QĐ-UBND ngày 31/12/2019 có nội dung: Bồi thường chi phí đầu tư vào đất 30%.

- Hủy Quyết định số 1345/QĐ-UBND ngày 14/8/2020 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện S về việc giải quyết khiếu nại lần đầu của ông Nguyễn Duy S.

- Hủy Quyết định số 106/QĐ-UBND ngày 21/01/2021 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Ngãi về việc giải quyết khiếu nại lần hai của ông Nguyễn Duy S.

2/. Về án phí sơ thẩm: Có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

3/. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1, Điều 349 Luật tố tụng hành chính năm 2015; điểm đ khoản 1 Điều 12; khoản 2 Điều 30, khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Ông Nguyễn Duy S được miễn án phí hành chính phúc thẩm.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

***Nơi nhận:***

- TAND Tối cao;
- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- VKSND tỉnh Quảng Ngãi;
- Cục THADS tỉnh Quảng Ngãi;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Lưu: Phòng HCTP; HS; LT.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

**(Đã ký)**

**Trương Công Thi**